|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày****19 tháng 6 năm 2015****;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Hải quan ngày****23 tháng 6 năm 2014****;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày****13 tháng 6 năm 2019****;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. **Nghị định** này quy định hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền xử phạt; thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm các quy định của pháp luật về thủ tục hải quan;

b) Vi phạm các quy định của pháp luật về kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

c) Vi phạm ***hành chính về quản lý thuế*** đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Vi phạm các quy định pháp luật khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

***3. Đối với các hành vi vi phạm quy định chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh xảy ra trong lĩnh vực hải quan thì áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.***

4. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực hải quan không được quy định tại Nghị định này mà được quy định tại các văn bản pháp luật khác thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các văn bản đó.

***Điều 2. Đối tượng áp dụng***

***1. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính***

***1.1. Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.***

***1.2. Cá nhân thuộc đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.***

***1.3. Tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này gồm:***

***a) Tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;***

***b) Chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế có hành vi vi phạm khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ do tổ chức kinh tế ủy quyền;***

***c) Hộ kinh doanh phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, hộ gia đình;***

***d) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;***

***d) Tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp;***

***e) Đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;***

***g) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.***

***2. Người có thẩm quyền lập biên bản, áp dụng biện pháp ngăn chặn, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Mục 3 Chương II Nghị định này.***

***3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.***

**Điều 3. Tình tiết giảm nhẹ trong lĩnh vực hải quan**

1. Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Tang vật vi phạm có trị giá không quá 50% mức tiền phạt tối thiểu của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm.

**Điều 4. Thời hiệu xử phạt *vi phạm* hành chính trong lĩnh vực hải quan**

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm ***hành chính về quản lý thuế***:

a) Đối với vi phạm hành chính là hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được miễn, giảm, hoàn, ***không thu***thì thời hiệu xử phạt là 05 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm;

b) Quá thời hiệu xử phạt vi phạm ***hành chính về quản lý thuế***thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn***, không thu không đúng***hoặc số tiền thuế trốn, ***số***tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm ***hành chính về quản lý thuế***.

2. Thời hiệu xử phạt đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính, ***trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.***

3. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều này.

Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

4. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

**Điều 5. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, tổ chức, cá nhân bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

***2. Cảnh cáo: áp dụng đối với cá nhân từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này.***

3. Mức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức

a) Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt ***tiền*** đối với tổ chức; mức phạt ***tiền*** đối với cá nhân bằng ½ mức phạt tiền đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này;

b) Mức phạt ***tiền***đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều ***10***Nghị định này là mức phạt ***tiền***đối với cá nhân;

c) Mức phạt ***tiền*** đối với hành vi vi phạm ***hành chính*** về ***quản lý*** thuế quy định tại Điều ***9 và Điều 14***Nghị định này là mức phạt tiền được áp dụng đối với ***cả*** cá nhân và tổ chức theo quy định tại ***khoản 4 Điều 136 và khoản 2 Điều 138 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;***

***d) Hộ kinh doanh phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.***

***4. Hình thức xử phạt bổ sung***

***Tịch thu tang vật vi phạm hành chính.***

***5. Biện pháp khắc phục hậu quả***

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ ***nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa***Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, phương tiện vận tải;

b) Buộc thực hiện việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất đúng cửa khẩu, tuyến đường quy định;

c) Buộc loại bỏ bao bì, nhãn hàng hóa đã thay đổi do hành vi vi phạm; ***buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên nhãn hàng hóa trước khi đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;***

d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

đ) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật vi phạm không còn;

***e) Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn, số tiền thuế thiếu;***

***g) Buộc nộp đủ số tiền thuế đã được miễn, giảm, hoàn, không thu không đúng;***

***h) Buộc dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định.***

**Điều 6. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan**

1. Các trường hợp không xử phạt theo quy định tại Điều 11 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Hàng hóa, phương tiện vận tải được đưa vào lãnh thổ ***nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*** Việt Nam do sự kiện bất ngờ, sự kiện bất khả kháng thì phải thông báo với cơ quan hải quan hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật; hàng hóa, phương tiện vận tải đó phải được đưa ra khỏi lãnh thổ ***nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*** Việt Nam sau khi các yếu tố nêu trên được khắc phục.

2. Nhầm lẫn trong quá trình nhập khẩu, gửi hàng hóa vào Việt Nam (trừ ***hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu,*** ***hàng giả, phế liệu không thuộc Danh mục được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)*** nhưng đã được người gửi hàng, ***người vận tải,*** người nhận ***hàng*** hoặc người đại diện hợp pháp ***của người gửi hàng, người vận tải, người nhận hàng*** thông báo bằng văn bản tới Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa khi chưa đăng ký tờ khai hải quan;

3. Các trường hợp được khai bổ sung hồ sơ hải quan trong thời hạn theo quy định của pháp luật ***không bị xử phạt vi phạm hành chính***.

**Chương II**

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT**

**VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 7. Vi phạm quy định về thời hạn làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với ***hành vi không thực hiện đúng thời hạn quy định của*** một trong các ***trường hợp*** sau:

a) Khai, nộp, xuất trình, cung cấp thông tin hồ sơ hải quan, trừ vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này ***và điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định này;***

b) Khai ***sửa đổi,*** bổ sung khi có sự thay đổi thông tin số hiệu container hàng hóa xuất khẩu, ***nhập khẩu***, cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất hàng, phương tiện vận chuyển hàng xuất khẩu;

c) Tái xuất phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức qua lại khu vực cửa khẩu để giao nhận hàng hóa.

***d) Khai bổ sung về trị giá hải quan quá thời hạn quy định đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu***chưa có giá chính thức,***hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan;***

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng thời hạn quy định của một trong các trường hợp sau:

a) Cung cấp báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên;

b) Thông báo về quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên;

c) Báo cáo về lượng hàng hóa nhập khẩu phục vụ xây dựng nhà xưởng, hàng hóa gửi kho bên ngoài của doanh nghiệp chế xuất;

d) Báo cáo về lượng hàng hóa đưa vào, đưa ra, hàng còn lưu tại cảng trung chuyển;

đ) Báo cáo thống kê thông quan hàng bưu chính đưa vào Việt Nam để chuyển tiếp đi quốc tế.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nộp tờ khai hải quan khi chưa có hàng hóa xuất khẩu tập kết tại địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan;

b) Không nộp báo cáo quyết toán, báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế đúng thời hạn quy định;

***c) Nộp hồ sơ đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% đối với linh kiện nhập khẩu theo Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp ô tô hoặc Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ không đúng thời hạn quy định;***

d) ***Không xử lý đúng thời hạn quy định đối với***nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị thuê, mượn ***và sản phẩm gia công***khi hợp đồng gia công kết thúc hoặc hết hiệu lực;

đ) ***Thông báo bổ sung thông tin không đúng thời hạn quy định khi có sự thay đổi***cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu;

***e) Thông báo hợp đồng gia công lại, phụ lục hợp đồng gia công lại không đúng thời hạn quy định.***

g)Không tái xuất, tái nhập hàng hóa đúng thời hạn quy định hoặc thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan, trừ vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

***h) Thông báo định mức thực tế của lượng sản phẩm đã sản xuất không đúng thời hạn quy định.***

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tái xuất hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất đúng thời hạn quy định;

b) Lưu giữ hàng hóa quá cảnh, ***hàng hóa trung chuyển***trên lãnh thổ ***nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*** Việt Nam quá thời hạn quy định.

c) Khai báo và làm thủ tục không đúng thời hạn quy định khi chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, hoàn thuế, không thu thuế, ***hàng áp dụng thuế suất theo hạn ngạch thuế quan;***

***5.*** Không tái xuất, tái nhập phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đúng thời hạn quy định, trừ trường hợp ***xử phạt theo quy định tại***khoản ***6***Điều này hoặc trường hợp phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức qua lại khu vực cửa khẩu để giao nhận hàng hóa ***thì bị xử phạt như sau:***

***a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập dưới 30 ngày;***

***b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp quá thời hạn tái xuất, tái nhập từ 30 ngày trở lên.***

6. Không tái xuất phương tiện vận tải nhập cảnh là ô tô chở người dưới 24 chỗ ngồi đúng thời hạn quy định, trừ trường hợp xử phạt theo điểm c khoản 1 Điều này thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp quá thời hạn tái xuất dưới 30 ngày;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp quá thời hạn tái xuất từ 30 ngày trở lên.

***7.***Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc ***đưa***hàng hóa tạm nhập ***ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*** ***hoặc buộc tái xuất trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt***đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 3; điểm a khoản 4 Điều này; trừ trường hợp được phép tiêu thụ hàng hóa tại Việt Nam theo quy định ***hoặc trường hợp được gia hạn thời hạn tạm nhập tái xuất theo quy định của pháp luật***;

***b) Buộc đưa phương tiện vận tải tạm nhập ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, khoản 5, khoản 6 Điều này;***

c) Buộc đưa hàng hóa ra khỏi ***lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*** Việt Nam ***trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt***đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm ***b*** khoản 4 Điều này.

**Điều 8. Vi phạm quy định về khai hải quan**

1. Phạt tiền từ ***1.000.000*** đồng đến ***2.000.000***đồng đối với ***các***hành vi ***sau***:

a) Khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, xuất xứ hàng hóa là hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

***b) Khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, xuất xứ, số lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế nhưng không làm ảnh hưởng đến số thuế phải nộp; trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, Điều 9, Điều 14, khoản 3, khoản 4 Điều 23 Nghị định này;***

***c) Không khai trên tờ khai hải quan mối quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán mà không ảnh hưởng đến trị giá hải quan.***

2. Phạt tiền từ ***2.000.000***đồng đến ***4.000.000***đồng đối với hành vi khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, chất lượng, trị giá, xuất xứ hàng hóa và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, hàng hóa từ nước ngoài vào cảng trung chuyển hoặc từ cảng trung chuyển ra nước ngoài;

b) Hàng hóa sử dụng, tiêu hủy trong khu phi thuế quan.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồngđối với hành vi khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, xuất xứ, số lượng, chất lượng, trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật, ***trừ hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan, kho bảo thuế.***

***4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai sai thông tin về chuyến bay đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.***

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi ***khai và làm thủ tục hải quan nhưng không xuất khẩu hoặc xuất khẩu thiếu so với khai hải quan***về tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa xuất khẩu; trừ hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất xuất khẩu, sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất.

***6. Phạt tiền bằng ½ khung tiền phạt quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này mà người khai hải quan tự phát hiện và khai bổ sung quá thời hạn quy định.***

7. Vi phạm quy định tại ***khoản 3, khoản 5*** Điều này dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu hoặc trốn thuế ***hoặc vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu***thì xử phạt theo Điều ***9*** hoặc Điều ***14***, Điều ***15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22*** Nghị định này.

***8. Các hành vi khai sai về số lượng tại Điều này khi không thuộc trường hợp tang vật vi phạm có trị giá không quá 10% trị giá hàng hóa thực xuất khẩu, nhập khẩu nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng, thì bị xử phạt tương ứng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6 Điều này.***

***9. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều 11 Nghị định này.***

**Điều 9. Vi phạm quy định về khai thuế *dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu***

1. Các hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu gồm:

a) Khai sai về tên hàng, chủng loại, số lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế, xuất xứ, ***trừ quy định tại khoản 7 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định này***;

b) Khai sai đối tượng không chịu thuế, đối tượng miễn thuế***, hàng quản lý theo hạn ngạch thuế quan***;

c) Lập và khai không đúng các nội dung trong hồ sơ miễn thuế, hồ sơ xét miễn, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, hồ sơ xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa;

d) Vi phạm quy định về quản lý nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ kế toán, sổ kế toán, hồ sơ ***hải quan đối với*** hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà không thuộc trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều ***14***Nghị định này;

đ) Vi phạm quy định quản lý hàng hóa trong kho bảo thuế dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ, sổ sách kế toán, hồ sơ ***hải quan đối với*** ***hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*** mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều ***14***Nghị định này;

***e) Lập báo cáo quyết toán về lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu đã sử dụng để sản xuất không đúng với thực tế sử dụng để sản xuất sản phẩm gia công, sản phẩm xuất khẩu;***

g) Khai báo hàng hóa nhập khẩu theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu nhưng không có cơ sở sản xuất hàng gia công, cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; ***hoặc không có máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu;***

***2. Phạt 10% tính trên số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà người nộp thuế tự phát hiện và khai bổ sung hồ sơ thuế thuộc một trong các trường hợp sau:***

***a) Sau thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan;***

***b) Sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước thời điểm cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra đối với hàng hóa đã được thông quan;***

***c) Quá thời hạn quy định khai bổ sung báo cáo quyết toán nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan ban hành quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán.***

***3. Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế đối với một trong các trường hợp sau:***

***a) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà cơ quan hải quan phát hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan;***

***b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này bị phát hiện khi kiểm tra, thanh tra đối với hàng hóa đã thông quan;***

***c) Không khai bổ sung về trị giá hải quan theo quy định mà bị phát hiện khi kiểm tra, thanh tra đối với trường hợp hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan;***

***d) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều này.***

***Vi phạm quy định tại điểm b, c, d khoản này mà cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định này.***

***4. Xử phạt theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này chỉ áp dụng trong trường hợp số tiền thuế chênh lệch từ 500.000 đồng/tờ khai hải quan đối với vi phạm do cá nhân thực hiện, từ 2.000.000 đồng/tờ khai hải quan đối với vi phạm do tổ chức thực hiện.***

***5. Vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này mà có hành vi trốn thuế thì xử phạt theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.***

***6. Khai sai trị giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều này gồm các trường hợp:***

***a) Người khai hải quan xuất trình các chứng từ có nội dung liên quan đến xác định trị giá hải quan nhưng các nội dung chứng từ có mâu thuẫn với nhau;***

***b) Người khai hải quan áp dụng không đúng phương pháp xác định trị giá hải quan;***

***c) Người khai hải quan không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác chứng từ, tài liệu liên quan đến trị giá hải quan;***

***d) Người khai hải quan khai sai giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán, khai sai các yếu tố liên quan đến việc xác định trị giá hải quan.***

***7. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:***

***Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu; số tiền thuế đã được miễn, giảm, hoàn, không thu không đúng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

8. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại Điều ***15,*** ***16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23*** Nghị định này.

**Điều 10. Vi phạm quy định về khai hải quan của người xuất cảnh, nhập cảnh đối với ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý**

1. Người xuất cảnh ***bằng hộ chiếu*** ***hoặc bằng các loại giấy tờ khác có giá trị thay cho hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp, giấy thông hành hoặc chứng minh thư biên giới***không khai hoặc khai sai số ngoại tệ tiền mặt ***thuộc loại tiền được phép mang theo***, đồng Việt Nam tiền mặt, vàng mang theo vượt mức quy định khi xuất cảnh thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 5.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng Việt Nam;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 30.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng Việt Nam;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng Việt Nam;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 100.000.000 đồng Việt Nam trở lên mà ***không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.***

2. Người nhập cảnh ***bằng hộ chiếu hoặc bằng các loại giấy tờ khác có giá trị thay cho hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp, giấy thông hành, chứng minh thư biên giới***không khai hoặc khai sai số ngoại tệ tiền mặt ***thuộc loại tiền được phép mang theo***, đồng Việt Nam tiền mặt, vàng mang theo vượt mức quy định khi nhập cảnh***, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này***thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng Việt Nam;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng Việt Nam;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 100.000.000 đồng Việt Nam trở lên mà ***không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.***

3. Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này mà số ngoại tệ tiền mặt, ***đồng***Việt Nam tiền mặt, vàng đã khai nhiều hơn số lượng thực tế mang theo thì xử phạt như sau:

***a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp số ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, vàng đã khai nhiều hơn số lượng thực tế mang theo có trị giá tương đương từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng Việt Nam;***

***b)*** Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp số ngoại tệ tiền mặt, ***đồng***Việt Nam tiền mặt, vàng đã khai nhiều hơn số lượng thực tế mang theo có trị giá tương đương từ ***20.000.000***đồng đến dưới 100.000.000 đồng Việt Nam;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp số ngoại tệ tiền mặt, ***đồng***Việt Nam tiền mặt, vàng đã khai nhiều hơn số lượng thực tế mang theo có trị giá tương đương từ 100.000.000 đồng Việt Nam trở lên mà ***không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.***

4. Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng giấy thông hành hoặc giấy chứng minh thư biên giới mang theo ngoại tệ tiền mặt thuộc ***loại tiền*** không được mang theo mà không khai hoặc khai sai thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá tương đương ***từ 5.000.000 đồng đến*** dưới 50.000.000 đồng Việt Nam;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng Việt Nam;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 100.000.000 đồng Việt Nam trở lên mà ***không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.***

5. Người xuất cảnh, nhập cảnh mang theo kim loại quý, đá quý, công cụ chuyển nhượng theo quy định phải khai hải quan khi xuất cảnh, nhập cảnh mà không khai hoặc khai sai thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 5.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng Việt Nam;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng Việt Nam;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng Việt Nam;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp mang vượt mức quy định mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 100.000.000 đồng Việt Nam trở lên mà ***không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.***

6. Tang vật vi phạm được trả lại khi quyết định xử phạt đã được thực hiện. Việc mang ngoại tệ tiền mặt, ***đồng***Việt Nam tiền mặt, vàng, kim loại quý, đá quý, công cụ chuyển nhượng của người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 11. Vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với ***một trong các***hành vi ***vi phạm sau***:

a) Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đã ***nộp, xuất trình hoặc gửi cho cơ quan hải quan theo tờ khai hải quan đã***được đăng kýmà không ảnh hưởng đến số tiền thuế phải nộp hoặc không vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ***quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 Nghị định này*** ***và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 6 Điều này***;

***b) Lập báo cáo quyết toán không đúng so với sổ, chứng từ kế toán, tờ khai hải quan mà người nộp thuế tự phát hiện, sửa đổi, bổ sung báo cáo quyết toán ngoài thời hạn quy định mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định này.***

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

***a) Không bố trí người, phương tiện để thực hiện các yêu cầu của cơ quan hải quan về kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải mà không có lý do chính đáng;***

b) Vi phạm các quy định về lập, lưu trữ hồ sơ, chứng từ, sổ sách, ***dữ liệu điện tử***;

   ***c) Lập báo cáo quyết toán không đúng so với sổ, chứng từ kế toán, tờ khai hải quan mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và điểm e khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định này.***

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xuất trình hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa còn đang lưu giữ là đối tượng kiểm tra sau thông quan để cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật hải quan;

b) Cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh ***cho***cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật.

***c)*** Không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan hải quan.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với ***một trong các hành vi vi phạm sau:***

a) Đánh tráo hàng hóa đã kiểm tra hải quan với hàng hóa chưa kiểm tra hải quan;

***b***) Không cung cấp***hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật.***

***5. Bán hàng hóa có nguồn gốc hợp pháp tại cửa hàng miễn thuế mà không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định bị xử phạt như sau:***

***a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm dưới 10.000.000 đồng;***

***b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;***

***c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;***

***d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;***

***đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 50.000.000 đồng trở lên.***

***6***. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

   ***a)***Sử dụng chứng từ, tài liệu giả mạo;***sử dụng chứng từ, tài liệu***không hợp pháp để khai, nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan mà ***không* *bị***truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sử dụng bất hợp pháp tài khoản đăng nhập, chữ ký số được cấp cho tổ chức, cá nhân khác để thực hiện thủ tục hải quan;

c) Truy cập trái phép, làm sai lệch, phá hủy hệ thống thông tin hải quan;

***d) Bán tại cửa hàng*** ***miễn thuế loại hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa chưa được phép phổ biến, lưu hành tại Việt Nam theo quy định.***

***7. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thực tế không đúng với khai hải quan về tên hàng, số lượng mà không có chứng từ để khai bổ sung theo quy định, trừ trường hợp vi phạm quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 Nghị định này thì bị xử phạt như sau:***

***a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá dưới 30.000.000 đồng;***

***b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;***

***c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;***

***d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;***

***đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên.***

***8***. Hình thức ***xử*** phạt bổ sung:

a) Tịch thu hàng hóa vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4; điểm a khoản 6,***khoản 7 Điều này trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 9 và khoản 10 Điều này.***

b) Tịch thu chứng từ, tài liệu giả mạo; chứng từ, ***tài liệu*** không hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

***9***. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

***a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt đối với tang vật vi phạm là phế liệu không đáp ứng điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật môi trường***, ***hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này;***

***b) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm là văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này.***

***c)*** Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật vi phạm không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại ***điểm a*** khoản 4; điểm a khoản 6, ***khoản 7*** Điều này.

***d) Buộc dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 5 Điều này.***

***10***. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này để trốn thuế thì bị xử phạt theo quy định tại Điều ***14*** Nghị định này.

**Điều 12. Vi phạm quy định về giám sát hải quan**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với ***một trong các*** hành vi ***vi phạm sau:***

***a)***Thực hiện việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, ***đóng chung container, đóng chung toa xe chở hàng,*** thay đổi phương thức ***vận chuyển, thay đổi phương tiện***vận tải trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan mà không thông báo hoặc không được sự đồng ý của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật;

***b) Đã thực hiện tiêu hủy phế liệu, phế phẩm đối với hàng gia công, sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất mà không thông báo với cơ quan hải quan;***

***c)***Đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đến cơ sở khác gia công lại ***hoặc đến cơ sở, nơi lưu giữ khác với địa điểm ban đầu đã thông báo với cơ quan hải quan để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu mà không thông báo cho cơ quan hải quan;***

***d) Thực hiện vận chuyển hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế đến cửa hàng miễn thuế, tàu bay và ngược lại mà không thông báo hoặc không được sự đồng ý của cơ quan hải quan***

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất không đúng tuyến đường, lộ trình, địa điểm, cửa khẩu, thời gian quy định hoặc đăng ký trong hồ sơ hải quan mà không có lý do ***chính***đáng;

b) Tự ý thay đổi bao bì, nhãn hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan;

c) Không bảo quản nguyên trạng hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan hoặc hàng hóa được giao bảo quản theo quy định của pháp luật chờ hoàn thành việc thông quan;

d) Lưu giữ hàng hóa không đúng địa điểm quy định hoặc địa điểm đã đăng ký với cơ quan hải quan;

***đ) Lưu giữ hàng hóa được đưa về bảo quản tại địa điểm không đáp ứng đủ điều kiện quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.***

3. ***Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm nguyên trạng***niêm phong hải quan***, không bảo đảm nguyên trạng niêm phong của hãng vận chuyển đối với trường hợp không phải niêm phong hải quan theo quy định trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, sử dụng niêm phong hải quan giả mạo hoặc niêm phong của hãng vận chuyển giả mạo.***

***4***. Phạt tiền từ ***30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng*** đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, ***trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.***

Trường hợp vi phạm quy định tại điểm này mà tang vật vi phạm thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, hàng hóa áp dụng thuế suất theo hạn ngạch thuế quan và không vi phạm quy định về chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì xử phạt theo quy định tại điểm g khoản 1 ***Điều 14*** Nghị định này;

b) Tiêu thụ phương tiện vận tải đăng ký lưu hành tại nước ngoài tạm nhập cảnh vào Việt Nam.

***5***. Phạt tiền từ ***40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*** đối với hành vi tiêu thụ hàng hóa được đưa về bảo quản chờ hoàn thành việc thông quan theo quy định.

***6.*** ***Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm nguyên trạng niêm phong hải quan, không bảo đảm nguyên trạng niêm phong của hãng vận chuyển đối với trường hợp không phải niêm phong hải quan theo quy định trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, sử dụng niêm phong hải quan giả mạo hoặc niêm phong của hãng vận chuyển giả mạo mà hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đã bị tiêu thụ.***

7. Hình thức ***xử*** phạt bổ sung:

***a) Tịch thu niêm phong giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều này;***

***b)*** Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản ***4*** Điều này trong trường hợp còn tang vật vi phạm;

***8.*** Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất đúng cửa khẩu, tuyến đường quy định đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật vi phạm không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản ***4*** Điều này;

c) Buộc loại bỏ bao bì, nhãn hàng hóa đã thay đổi do hành vi vi phạm quy định tại điểm ***b***khoản 2 Điều này.

***9. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này mà hàng hóa đã bị tiêu thụ và vi phạm quy định tại Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 Nghị định này thì bị xử phạt theo điểm a khoản 4, khoản 6 Điều này và các Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 tương ứng với từng hành vi vi phạm.***

**Điều 13. Vi phạm quy định về kiểm soát hải quan**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không chấp hành lệnh dừng, khám xét phương tiện vận tải theo quy định;

b) Không cung cấp sơ đồ hầm hàng, chỉ dẫn, mở nơi nghi vấn cất giữ hàng hóa trên phương tiện vận tải để thực hiện quyết định khám hành chính.

2. Phạt tiền từ ***5.000.000***đồng đến ***10.000.000***đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chứa chấp, mua***,*** bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan ***mà tang vật vi phạm có trị giá dưới 30.000.000 đồng;***

b) Vận chuyển trái phép hàng hóa, ***tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý***qua biên giới mà***tang vật vi phạm có trị giá dưới 30.000.000 đồng;***

***c)***Đưa phương tiện vận tải qua lại biên giới ***quốc gia trên***đất liền không đúng tuyến đường, cửa khẩu quy định; ***không làm thủ tục hải quan theo quy định.***

***3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này mà tang vật vi phạm có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng***

4***.***Phạt tiền từ ***20.000.000*** đồng đến ***40.000.000***đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại ***điểm a, b***khoản 2 Điều này mà tang vật vi phạm có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới ***70.000.000*** đồng.

5. Phạt tiền từ ***40.000.000***đồng đến ***60.000.000***đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Hành vi vi phạm quy định tại ***điểm a, b***khoản 2 Điều này mà tang vật vi phạm có trị giá từ ***70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng***;

b) Bốc dỡ hàng hóa không đúng cảng đích ghi trong bản lược khai hàng hóa, vận tải đơn mà không có lý do ***chính*** đáng;

c) Xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan mà không được sự đồng ý của cơ quan hải quan;

d) Tẩu tán, tiêu hủy hoặc vứt bỏ hàng hóa để trốn tránh sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

***đ) Vận chuyển phế liệu vào Việt Nam cho người* *nhận hàng trên Bản lược khai hàng hóa không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.***

6. Phạt tiền từ ***60.000.000***đồng đến ***80.000.000***đồng đối hành vi vi phạm quy định tại ***điểm a, b***khoản 2 Điều này mà tang vật vi phạm có trị giá từ ***100.000.000 đồng*** trở lên mà không ***bị truy cứu trách nhiệm hình sự.***

7***.***Hình thức ***xử*** phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại ***điểm a, điểm b***khoản 2; khoản ***3;*** khoản ***4;*** điểm a, d khoản 5; khoản 6 Điều này; trừ trường hợp tang vật vi phạm thuộc diện bị buộc tiêu hủy theo quy định tại điểm d khoản ***8***Điều này.

***8.***Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật vi phạm không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 5 Điều này;

b) ***Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc***buộc tái xuất phương tiện vận tải ***trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt*** đối với hành vi vi phạm quy định tại **điểm c** khoản **2** Điều này;

***c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này mà tang vật vi phạm là phế liệu không đáp ứng điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.***

d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với các hành vi vi phạm quy định tại ***điểm a, điểm b***khoản 2, khoản ***3***, khoản 4, điểm a khoản 5, ***khoản 6***Điều này.

**Điều 14. Xử phạt đối với hành vi trốn thuế**

1. Các hành vi trốn thuế trong lĩnh vực hải quan gồm:

a) Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp, không đúng với thực tế giao dịch để kê khai thuế; tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng từ dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, ***không thu***;

b) Khai sai mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế đối với những mặt hàng đã được cơ quan hải quan hướng dẫn mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế;

c) ***Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9*** mà ***bị*** phát hiện ***khi kiểm tra, thanh tra đối với hàng hóa đã thông quan*** nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm không nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo quy định trước thời điểm lập biên bản vi phạm;

d) Làm thủ tục xuất khẩu nhưng không xuất khẩu sản phẩm gia công; sản phẩm sản xuất xuất khẩu; sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất;

đ) Khai nhiều hơn ***hoặc khai ít hơn*** so với thực tế hàng hóa xuất khẩu về chủng loại, số lượng sản phẩm gia công; sản phẩm sản xuất xuất khẩu; sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất, hàng tái xuất;

***e) Không kê khai về nguyên liệu, vật tư mua trong nước có thuế xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công xuất khẩu; khai sai phần trị giá nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công làm tăng số tiền thuế được miễn đối với sản phẩm gia công khi nhập khẩu trở lại Việt Nam.***

g) Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, ***hàng quản lý theo hạn ngạch thuế quan***không đúng mục đích mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan hải quan;

h) Khai sai tên hàng, mã số hàng hóa, chủng loại, số lượng, chất lượng, trị giá, thuế suất, mức thuế, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa;

i) Không ghi chép trong sổ sách kế toán các khoản thu, chi liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;

k) Bán hàng miễn thuế không đúng đối tượng, ***định lượng, điều kiện theo***quy định ***của pháp luật***;

***l) Cấu kết với người gửi hàng để nhập khẩu hàng hóa nhằm mục đích trốn thuế.***

m) Các hành vi cố ý khai sai khác về tên hàng, chủng loại, số lượng, chất lượng, trị giá, thuế suất, mức thuế, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để trốn thuế.

2. Người nộp thuế có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị phạt tiền như sau:

Phạt 01 lần số tiền thuế trốn trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng.

Trường hợp có tình tiết tăng nặng thì mỗi tình tiết tăng nặng mức phạt tăng lên 0,2 lần nhưng không vượt quá 03 lần số tiền thuế trốn.

***3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:***

***Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

4. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại ***Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22***Nghị định này.

**Điều 15. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển vào Việt Nam hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu**

1. Xuất khẩu, nhập khẩu, ***vận chuyển*** vào Việt Nam hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu ***hoặc*** hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, ***trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này*** ***thì bị xử phạt như sau:***

a) ***Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá dưới 20.000.000 đồng***

b) Phạt tiền từ ***6***.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá ***từ 20.000.000 đồng đến*** dưới 30.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới ***70.000.000***đồng;

đ) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ ***70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;***

***e) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự***

***2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi******mang vào hoặc mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trái phép ma túy, vũ khí, pháo các loại.***

***3. Xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển ngà voi, sừng tê giác cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu thì bị xử phạt như sau:***

***a) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng trong trường hợp ngà voi có khối lượng dưới 0,3 kilôgam;***

***b) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp ngà voi có khối lượng từ 0,3 kilôgam đến dưới 0,6 kilôgam;***

***c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng trong trường hợp ngà voi có khối lượng từ 0,6 kilôgam đến dưới 0,9 kilôgam;***

***d) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng trong trường hợp ngà voi có khối lượng từ 0,9 kilôgam đến dưới 1,2 kilôgam;***

***đ) Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng trong trường hợp ngà voi có khối lượng từ 1,2 kilôgam đến dưới 1,5 kilôgam, sừng tê giác có khối lượng dưới 0,03 kilôgam;***

***e) Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng trong trường hợp ngà voi có khối lượng từ 1,5 kilôgam đến dưới 02 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 0,03 kilôgam đến dưới 0,05 kilôgam;***

***g) Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng trong trường hợp ngà voi có khối lượng từ 02 kilôgam trở lên; sừng tê giác có khối lượng từ 0,05 kilôgam trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.***

***4. Hình thức xử phạt bổ sung:***

***Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, trừ tang vật vi phạm là hàng hóa bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều này.***

***5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:***

***a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt đối với hàng hóa nhập khẩu gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường;***

***b) Buộc tiêu hủy đối với văn hoá phẩm có nội dung độc hại; sản phẩm văn hóa thuộc diện cấm phổ biến, cấm lưu hành hoặc đã có quyết định đình chỉ phổ biến, đình chỉ lưu hành; xuất bản phẩm thuộc diện cấm phổ biến, cấm lưu hành tại Việt Nam; hàng hóa xuất khẩu gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường;***

***c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

***Điều 16. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa có hình ảnh, nội dung thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia hoặc có nội dung khác gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ ngoại giao của Việt Nam***

***1. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa có hình ảnh, nội dung thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia hoặc hàng hóa có nội dung khác gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ ngoại giao của Việt Nam thì bị xử phạt như sau:***

***a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có số lượng đến dưới 20 đơn vị sản phẩm hàng hóa;***

***b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có số lượng từ 20 đến dưới 50 đơn vị sản phẩm hàng hóa;***

***c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có số lượng từ 50 đến dưới 70 đơn vị sản phẩm hàng hóa;***

***d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có số lượng từ 70 đến dưới 100 đơn vị sản phẩm hàng hóa;***

***đ) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có số lượng từ 100 đơn vị sản phẩm hàng hóa trở lên;***

***2. Hình thức xử phạt bổ sung:***

***Tịch thu tang vật vi phạm là hàng hóa có hình ảnh, nội dung thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia hoặc có nội dung khác gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ ngoại giao của Việt Nam.***

***3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:***

***Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

***Điều 17. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam***

***1. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam thì bị xử phạt như sau:***

***a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá dưới 30.000.000 đồng;***

***b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;***

***c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;***

***d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;***

***đ) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên.***

***2. Hình thức xử phạt bổ sung:***

***Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.***

***3. Biện pháp khắc phục hậu quả:***

***a) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm thuộc loại gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại.***

***b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

**Điều 18. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo hạn ngạch, giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn**

***1. “Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không có giấy phép, hạn ngạch” tại Điều này gồm:***

***a) Hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép, hạn ngạch nhưng không có giấy phép, hạn ngạch;***

***b) Hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép, hạn ngạch nhưng không phù hợp với nội dung giấy phép, hạn ngạch đã được cấp.***

***2. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu nhưng không có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa;*** xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; ***xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành mà không có thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật*** thì bị xử phạt như sau:

a) ***Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá dưới 20.000.000 đồng;***

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá ***từ 20.000.000 đồng*** dưới 30.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên mà không ***bị truy cứu trách nhiệm hình sự***.

3. Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này mà quá 30 ngày, kể từ ngày hàng về đến cửa khẩu người khai hải quan mới nộp hồ sơ hải quan thì bị xử phạt gấp hai lần mức tiền phạt quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ ***nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*** Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định Điều này; trừ hàng hóa xuất khẩu, ***hàng hóa nhập khẩu đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép trong thời hạn nêu tại điểm này.***

***b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

**Điều 19. *Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu***

***1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu mà không có văn bản chỉ định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.***

***2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:***

***a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này mà tang vật vi phạm là hàng nhập khẩu; trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản chỉ định xuất khẩu, nhập khẩu trong thời hạn nêu tại điểm này.***

***b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

***Điều 20. Vi phạm quy định về tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hóa***

**1. *Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:***

***a)*T**ạm nhập - tái xuất hàng hóa (***trừ hàng kinh doanh tạm, tái xuất***) phải có giấy phép ***tạm nhập, tái xuất*** mà không có giấy phép;

***b)***Tạm xuất - tái nhập hàng hóa phải có giấy phép tạm xuất, tái nhập mà không có giấy phép, ***trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.***

***2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:***

***a) Tạm nhập - tái xuất (trừ kinh doanh tạm nhập - tái xuất) hàng hóa cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu khẩu;***

***b) Tạm xuất – tái nhập hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu mà không có giấy phép tạm xuất, tái nhập.***

3. Phạt tiền từ ***40.000.000*** đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh tạm nhập, tái xuất ***hàng hóa thuộc danh mục kinh doanh tạm nhập, tái xuất có điều kiện mà không đủ điều kiện để kinh doanh tạm nhập, tái xuất.***

4. Phạt tiền từ ***50.000.000*** đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh tạm nhập, tái xuất ***hàng hóa*** phải có giấy phép mà không có giấy phép***, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.***

***5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này mà tang vật vi phạm là hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam.***

6. Phạt tiền từ ***80.000.000 đồng đến 100.000.000***đồng đối với hành vi kinh doanh tạm nhập, tái xuất ***hàng hóa***thuộc danh mục cấm kinh doanh tạm nhập, tái xuất hoặc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất

***7. Hình thức xử phạt bổ sung:***

***Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này, trừ tang vật là hàng hóa bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b và c khoản 8 Điều này.***

***8. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:***

***a)****B****uộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất tại cửa khẩu nhập trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4, khoản 6 Điều này;***

***b)****B****uộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất tại cửa khẩu nhập tang vật vi phạm là hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này;***

***c) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm là văn hoá phẩm có nội dung độc hại; sản phẩm văn hóa thuộc diện cấm phổ biến, cấm lưu hành hoặc đã có quyết định đình chỉ phổ biến, đình chỉ lưu hành; xuất bản phẩm thuộc diện cấm phổ biến, cấm lưu hành tại Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;***

d) ***Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

***Điều 21. Vi phạm quy định về quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa***

**1.** Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chuyển khẩu hàng hóa phải có giấy phép mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, ***trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này***.

***2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:***

***a) Quá cảnh loại hàng hóa theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép;***

***b) Chuyển khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam mà không có giấy phép theo quy định.***

***3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi chuyển khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh chuyển khẩu, tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu.***

***4. Hình thức xử phạt bổ sung:***

***Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, trừ tang vật là hàng hóa bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.***

***5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:***

***a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất tại cửa khẩu nhập tang vật vi phạm trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này, trừ tang vật là hàng hóa bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;***

***b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất tại cửa khẩu nhập tang vật vi phạm là hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, trừ tang vật là hàng hóa bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;***

***c) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm là văn hoá phẩm có nội dung độc hại; sản phẩm văn hóa thuộc diện cấm phổ biến, cấm lưu hành hoặc đã có quyết định đình chỉ phổ biến, đình chỉ lưu hành; xuất bản phẩm thuộc diện cấm phổ biến, cấm lưu hành tại Việt Nam đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều này;***

***d) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

***Điều 22. Vi phạm quy định về ghi nhãn hàng hóa nhập khẩu***

***1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu hàng hóa có nhãn gốc mà không đọc được hết các nội dung bắt buộc của nhãn hàng hóa nhưng cá nhân, tổ chức nhập khẩu hàng hóa không khắc phục được.***

***2. Nhập khẩu hàng hóa có nhãn hàng hóa ghi không đúng các nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa (trừ trường hợp hàng giả, hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam)******thì bị xử phạt như sau:***

***a)******Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 3.000.000 đồng;***

***b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 3.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;***

***c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;***

***d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;***

***đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;***

***e) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;***

***g) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;***

***h) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.***

***3. Nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có nhãn gốc******mà không có nhãn gốc hàng hóa thì bị xử phạt như sau:***

***a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá dưới 20.000.000 đồng;***

***b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;***

***c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;***

***d) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;***

***đ) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 70.000.000 đồng dưới 100.000.000 đồng;***

***e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên.***

***4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:***

***a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với tang vật vi phạm quy định tại Điều này trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt;***

***b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.***

**Điều 23. Vi phạm quy định về quản lý cửa hàng kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, *cửa hàng miễn thuế.***

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đưa hàng hóa, máy móc, thiết bị từ nội địa vào kho ngoại quan để phục vụ cho các hoạt động đóng gói, phân loại, bảo dưỡng mà không thông báo với cơ quan hải quan;

b) Thực hiện các dịch vụ gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa, phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa và lấy mẫu hàng hóa trong kho ngoại quan mà không thông báo để cơ quan hải quan theo dõi, giám sát;

c) Chuyển quyền sở hữu hàng hóa gửi kho ngoại quan mà không thông báo để cơ quan hải quan quản lý, theo dõi;

***d) Không đưa hàng hóa, nguyên liệu, vật tư ra khỏi kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế, kho của doanh nghiệp bán hàng miễn thuế khi quá thời hạn lưu giữ theo quy định.***

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Di chuyển hàng hóa từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác khi chưa có văn bản đồng ý ***của người có thẩm quyền của cơ quan hải quan***nơi quản lý kho ngoại quan;

b) Mở rộng, thu hẹp, di chuyển địa điểm***cửa hàng miễn thuế,***kho ngoại quan***, kho hàng không kéo dài,***địa điểm thu gom hàng lẻ***, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan*** không được phép của cơ quan hải quan***.***

c) Thực hiện các dịch vụ không được phép trong kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ;

d)Không thực hiện chế độ báo cáo đối với kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ đúng thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, xuất xứ hàng hóa đưa vào kho ngoại quan, kho bảo thuế; hàng hóa từ kho ngoại quan, kho bảo thuế đưa ra nước ngoài.

***Trường hợp khai sai số lượng chỉ bị xử phạt theo khoản 3 Điều này khi không thuộc trường hợp tang vật vi phạm có trị giá không quá 10% trị giá hàng hóa thực xuất khẩu, nhập khẩu, nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng.***

***4. Phạt tiền bằng ½ mức tiền phạt quy định tại khoản 3 Điều này đối với trường hợp người khai hải quan vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này mà tự phát hiện và khai bổ sung quá thời hạn quy định.***

***5.*** Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đưa vào kho ngoại quan hàng hóa thuộc diện không được ***gửi***kho ngoại quan theo quy định của pháp luật;

b) Tẩu tán hàng hóa lưu giữ trong kho ngoại quan;

c) Tiêu hủy hàng hóa lưu giữ trong kho ngoại quan, kho bảo thuế không đúng quy định pháp luật.

***6***. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b ***khoản 5*** Điều này;

b) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a ***khoản 5*** trong trường hợp tang vật vi phạm là hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.

***7***. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản ***5*** Điều này;

b) Buộc đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ ***nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*** Việt Nam trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt hoặc buộc tiêu hủy hàng hóa đối với vi phạm quy định tại điểm a ***khoản 5*** Điều này, trừ trường hợp tịch thu tang vật theo quy định tại điểm b ***khoản 6*** Điều này;

c) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa trước khi đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ ***nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*** Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a ***khoản 5*** Điều này trong trường hợp hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc tên gọi xuất xứ Việt Nam.

**Điều 24. Vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, *địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan*(trừ *kho ngoại quan, kho bảo thuế)***

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo đúng thời hạn tình hình hàng hóa tồn đọng tại cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan;

b) Không sắp xếp hàng hóa trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu giám sát, quản lý của cơ quan hải quan.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, thống kê, lưu giữ chứng từ, sổ sách, số liệu hàng hóa đưa vào lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi theo quy định của pháp luật và xuất trình, cung cấp cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu;

b) Không thực hiện việc cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan hải quan trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát hàng hóa ra, vào, lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi, ***địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan***.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi cho phép đưa hàng hóa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi khi chưa ***nhận được thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hoặc đã nhận được thông tin tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan.***

**Điều 25. Xử phạt đối với *ngân hàng thương mại*và tổ chức, cá nhân liên quan**

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, ***kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế mà ngân hàng thương mại***không thực hiện trích toàn bộ hoặc một phần tương ứng số tiền thuế ***nợ phải nộp***, tiền phạt phải nộp từ tài khoản tiền gửi của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan vào tài khoản của ngân sách nhà nước theo yêu cầu của cơ quan hải quan ***mà không có lý do chính đáng***, khi mà tại thời điểm nhận được quyết định cưỡng chế, tài khoản tiền gửi của người bị cưỡng chế có số dư đủ hoặc thừa so với số tiền thuế, tiền phạt phải nộp thì bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền tương ứng với số tiền không trích chuyển vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với trường hợp người nộp thuế bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế hoặc bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp không thực hiện các quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực hải quan.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cố tình không thực hiện quyết định cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương, thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế của cơ quan hải quan.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin, chứng từ, tài liệu, nội dung giao dịch qua tài khoản của người nộp thuế mở tại tổ chức tín dụng liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật;

b) Thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, không thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính thuế trong lĩnh vực hải quan.

**Mục 3**

**CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**VÀ BẢO ĐẢM VIỆC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH;**

**THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**Điều 26. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính**

1. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Phần thứ 4 Luật xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Nghị định này.

2. Trong một lô hàng có hàng hóa là tang vật vi phạm và hàng hóa không phải là tang vật vi phạm thì chỉ được tạm giữ hàng hóa là tang vật vi phạm.

3. Đối với tang vật là ngoại tệ tiền mặt, ***đồng*** Việt Nam tiền mặt của người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu, giấy thông hành thì chỉ tạm giữ số ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt vượt quá số ngoại tệ, tiền Việt Nam không phải khai hải quan theo quy định của pháp luật.

4. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật của các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ phải tuân theo các quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam ***là thành viên***. Khi có căn cứ để khẳng định túi ngoại giao, túi lãnh sự bị lạm dụng vào mục đích trái với quy định của Điều ước quốc tế về quan hệ ngoại giao, quan hệ lãnh sự mà Việt Nam là thành viên hoặc trong hành lý, phương tiện vận tải có hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc hàng hóa thuộc diện không được hưởng chế độ ưu đãi, miễn trừ theo quy định của pháp luật thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định xử lý theo quy định của Điều ước quốc tế.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có thẩm quyền quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật ***liên quan đến hành vi trốn thuế***

6. Trong trường hợp có căn cứ cho rằng cá nhân cất giấu ma túy trong người thì việc khám người có thể thực hiện trực tiếp hoặc bằng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật.

**Điều 27. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Khi đang thi hành công vụ, những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại ***Điều 28, 29, 30, 31***Nghị định này, ***viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo quy định***có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

2. Đối với những hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực hải quan xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại ***Điều 28, 29, 30, 31***Nghị định này khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.

***Điều 28. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp***

***1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:***

***a) Phạt cảnh cáo;***

***b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;***

***c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;***

***d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 5 Điều 5 Nghị định này.***

***2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:***

***a) Phạt cảnh cáo;***

***b) Phạt tiền đến mức tối đa theo quy định tại Nghị định này;***

***c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;***

***d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 5 Điều 5 Nghị định này.***

**Điều 29. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính *của*hải quan**

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức.

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Nghị định này.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật xử lý vi phạm hành chính;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Nghị định này.

6. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan và Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế quy định tại ***Điều 9, Điều 14*** và điểm a khoản 1 ***Điều 23*** Nghị định này.

**Điều 30. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng**

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến ***20.000.000*** đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến ***40.000.000*** đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm ***a, d, đ*** khoản 4 ***Điều 5***Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm ***a***, ***d, đ*** khoản 4 ***Điều 5***Nghị định này.

**Điều 31. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển**

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm ***a, d, đ*** khoản 5 ***Điều 5***Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến ***20.000.000*** đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến ***40.000.000*** đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm ***a, d, đ*** khoản 5 ***Điều 5***Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến ***30.000.000*** đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến ***60.000.000*** đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm ***a, d, đ*** khoản 5 ***Điều 5*** Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến ***50.000.000*** đồng đối với cá nhân; phạt tiền đến ***100.000.000*** đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm ***a, d, đ***khoản 5 ***Điều 5***Nghị định này.

7. Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm ***a, d, đ*** khoản 5 ***Điều 5***Nghị định này.

**Điều 32. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính.

2. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

3. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

4. Trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

Trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Hải quan thì Cục trưởng Cục Hải quan chuyển vụ vi phạm để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm ra quyết định xử phạt.

Trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thì những người này chuyển vụ vi phạm để Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ra quyết định xử phạt.

c) Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

5. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hải quan xảy ra trên đất liền, vùng lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc địa bàn quản lý của hải quan nơi nào thì hải quan ở nơi đó có trách nhiệm xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này; trường hợp do Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Kiểm tra sau thông quan phát hiện thì thực hiện việc xử phạt theo thẩm quyền.

***6. Thẩm quyền xử phạt của Hải quan***

***a) Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt cảnh cáo đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp đối tượng vi phạm hành chính là cá nhân từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, trừ quy định tại Điều 9, Điều 14 và khoản 1 Điều 25 Nghị định này.***

***Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 7; khoản 1 Điều 8 nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 8; điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định này;***

***b) Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền xử phạt vi phạm hành chính tại khoản 1, 2 Điều 7; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8; điểm a khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 13; điểm a khoản 1 Điều 15; điểm a khoản 2 Điều 18 mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 22; khoản 1, 2, 3 Điều 23; khoản 1, 2 Điều 24; điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 25 Nghị định này;***

***c) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 7; Điều 8; khoản 1 đến khoản 5 Điều 10; khoản 1 đến khoản 4, điểm a, b, c khoản 6 Điều 11; khoản 1 đến khoản 4 Điều 12; khoản 1 đến khoản 4 Điều 13; khoản 1 Điều 15; điểm a, b, c khoản 1 Điều 16; điểm a, b, c khoản 1 Điều 17; khoản 2 mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18; Điều 19; khoản 1, khoản 2 Điều 20; khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1, 2, điểm a, b, c ,d, đ khoản 3 Điều 22; Điều 23; khoản 1, 2 Điều 24 Nghị định này; Điều 25 Nghị định này;***

***d) Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 7, 8, 10, 11, 12, 13; khoản 1, 2, điểm a khoản 3 Điều 15; Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 Nghị định này;***

***đ) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 7, 8, 10, 11, 12, 13; Điều 15; Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 Nghị định này;***

***e) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan và Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế quy định tại Điều 9, Điều 14 và điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định này;***

***7.*** ***Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện***

***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điều sau:***

***a) Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 18, Điều 19, 20, 21, 22, 23, 24 Nghị định này;***

***b) Khoản 1 Điều 15 Nghị định này; trừ trường hợp tịch thu tang vật vi phạm theo quy định tại điểm e khoản 1 và khoản 4 Điều 15 Nghị định này;***

***c) Điểm a, b, c khoản 1 Điều 16; điểm a, b, c khoản 1 Điều 17 Nghị định này;***

***8. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh***

***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình; trừ hành vi vi phạm quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 25 Nghị định này.***

9. Ở những địa điểm dọc biên giới quốc gia, nơi chưa có tổ chức hải quan thì Bộ đội biên phòng đóng tại địa bàn đó có quyền xử phạt theo quy định tại ***Điều 29 Nghị định này*** đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định tại ***Điều 13***Nghị định này, cụ thể như sau:

***a) Chiến sỹ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 13 Nghị định này trong trường hợp đối tượng vi phạm hành chính là cá nhân từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi;***

***b) Trạm trưởng, Đội trưởng của Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;***

***c) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định này;***

***d) Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 13 Nghị định này.***

10. Ở những địa điểm dọc biên giới quốc gia, nơi chưa có tổ chức hải quan thì Cảnh sát biển đóng tại địa bàn đó có quyền xử phạt theo quy định tại ***Điều 30 Nghị định này*** đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định tại ***Điều 13***Nghị định này, cụ thể như sau:

***a) Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;***

***b) Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định này;***

***c) Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định này;***

***d) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định này;***

***đ) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 13 Nghị định này;***

***e) Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 13 Nghị định này.***

**Điều 33. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt**

1. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thực hiện theo quy định tại Chương III Luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định tại Mục 3 Chương I Nghị định này.

2. Quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt của người có thẩm quyền mà biện pháp khắc phục hậu quả buộc đưa ra khỏi lãnh thổ ***nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*** Việt Nam ghi trong quyết định xử phạt chưa được thực hiện thì người có thẩm quyền quy định tại Điều 29, các khoản 3, 4, 5 ***Điều 29***; các khoản 3, 4 Điều 30; các khoản 3, 4, 5, 6, 7 ***Điều 31***Nghị định này phải ra quyết định tịch thu ***tang vật vi phạm***hoặc ***quyết định buộc***tiêu hủy tang vật vi phạm theo quy định ***pháp luật***, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

**Điều 34. Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, trình tự thủ tục và thẩm quyền miễn, giảm tiền phạt**

***1. Người nộp thuế bị phạt tiền do vi phạm hành chính về quản lý thuế mà bị thiệt hại trong trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 27 Điều 3 Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 thì được miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế.***

***Tổng số tiền miễn phạt tối đa không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại.***

***2.***Cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính ***khác*** trong lĩnh vực hải quan có quyền đề nghị miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính mà số tiền phạt từ 3.000.000 đồng trở lên trong trường hợp gặp khó khăn đặc biệt, đột xuất về kinh tế do thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa, tai nạn, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo.

Mức miễn, giảm tiền phạt tối đa bằng số tiền phạt còn lại trong quyết định xử phạt.

***3.***Hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính gồm:

a) Đơn đề nghị miễn, giảm tiền phạt, trong đó nêu rõ:

- Lý do đề nghị miễn, giảm tiền phạt.

- Giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, chi phí chữa bệnh, bệnh hiểm nghèo, ***hoặc trường hợp bất khả kháng khác***.

- Số tiền phạt đề nghị miễn, giảm.

b) Trường hợp thiệt hại về tài sản, chữa bệnh được cơ quan bảo hiểm bồi thường (nếu có) thì phải kèm theo bản sao có xác nhận công chứng về bồi thường thiệt hại, về thanh toán chi phí khám, chữa bệnh của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

c) Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc nơi có tài sản bị thiệt hại. Trường hợp cá nhân bị bệnh hiểm nghèo thì phải có xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh; chi phí khám, chữa bệnh có đầy đủ chứng từ quy định.

4. Trình tự, thẩm quyền miễn, giảm tiền phạt thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính.

5.Không miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp đã thực hiện xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan hoặc đã hết thời hiệu giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 35. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ….. tháng ….năm....

2. ***Nghị định này thay thế*** Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

**Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các quy định về xử phạt, quy định về hoãn, miễn thi hành quyết định xử phạt và các quy định về xử phạt khác có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của ***Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.***

**Điều 37. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Tài chính hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này và phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tuyên truyền, giáo dục và vận động nhân dân thực hiện, giám sát việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, CN (2b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG** **Nguyễn Xuân Phúc** |